TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/DS-PT
Ngày: 25/5/2020
"*V/v tranh chấp di sản thừa kế và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Hà
Các Thẩm phán: Ông Mai Tấn Hoàng
Ông Nguyễn Hữu Trúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 57/2019/TLPT-DS ngày 28 tháng 6 năm 2019 về việc "*Tranh chấp di sản thừa kế và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất";*

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2019/DS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 60/2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương Thị H – sinh năm 1949; Nơi cư trú: Khu phố P, thị trấn P, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Châu Văn Tr – sinh năm 1960; Nơi cư trú: Thôn K, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hương Q, luật sư Văn phòng luật sư P – Đoàn luật sư tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Phan Thị T – sinh năm 1969; Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn C– sinh năm 1968; Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

3.2. Ông Lê Xuân Tr – sinh năm 1987; Nơi cư trú: Khu phố P, thị trấn P,

huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

3.3. Bà Phan Thị Th – sinh năm 1971; Nơi cư trú: Khu phố P, thị trấn P, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

3.4. Hợp tác xã Nông nghiệp kinh doanh dịch vụ thị trấn P. Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn P, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

Người kháng cáo: bị đơn bà Phan Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Cụ Dương Ch (chết năm 1987) và cụ Lê Thị G (chết năm 2016) sinh được 3 người con gồm: bà Dương Thị H, 02 người chết từ nhỏ, ngoài ra còn có 01 người con nuôi là Dương Văn Đ (chết năm 2012, chưa có vợ con). Sinh thời, cụ Ch và cụ G tạo lập được một mảnh đất vườn tại thị trấn P, huyện T, tỉnh Phú Yên. Sau khi cụ Ch chết (không để lại di chúc), cụ G tiếp tục sử dụng mảnh đất vườn, được nhà nước công nhận cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất ở, đất vườn là 793m^2 (đo đạc thực tế là 803m^2, nguyên nhân đất vườn tăng là do xê dịch hàng rào phía Nam giáp nhà bà H) và được giao đất lúa diện tích 915m^2, trên mảnh đất vườn có 02 gian nhà cấp 4. Ngoài ra, cụ G còn có các tài sản khác gồm 01 bộ ván gỗ gõ, 01 bàn tròn gỗ và 2 cây đèn đồng.

Khi cụ Gằng còn sống đã chuyển nhượng cho ông Lê Xuân Th, bà Huỳnh Thị T diện tích đất đo đạc được là 186m^2 đất vườn. Bà H và các con thống nhất không có ý kiến gì.

Về phần đất ruộng: Khi còn sống cụ G, bà H, bà Th, bà T đã thỏa thuận giao cho bà Th, bà Tmỗi người ½ diện tích đất lúa để sản xuất. Nay nguyên đơn bà H thống nhất không tranh chấp.

Cụ G chết không để lại di chúc nên nguyên đơn không chấp nhận 02 bản di chúc (01 bản đánh máy, 01 bản viết tay) do bà T đưa ra vì di chúc này tự bà T làm và nhờ người ký tên, khi đó cụ G không còn minh mẫn, sáng suốt nên di chúc không hợp pháp. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố di chúc không hợp pháp và chia thừa kế theo quy định của pháp luật, giao toàn bộ di sản thừa kế của cụ G cho người được hưởng duy nhất là nguyên đơn.

Đối với Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ G và bị đơn là hợp đồng vô hiệu vì việc chuyển nhượng không có người làm chứng, gia đình cụ G không biết cụ G có nhận vàng hay không.

Về phần 02 gian nhà cấp 4 của cụ G, bị đơn sửa chữa nhưng nay bị đơn không nhận lại giá trị sửa chữa nên nguyên đơn không thanh toán. Đối với khoản nợ thuế của Hợp tác xã Nông nghiệp kinh doanh dịch vụ thị trấn P thì nguyên đơn đồng ý trả.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Di chúc

do bị đơn đưa ra là không hợp pháp và những người làm chứng như ông Huỳnh Văn T, bà Nguyễn Thị X, ông Lê Minh K, ông Dương Minh T, ông Lê Ngọc B xác nhận năm 2011, cụ G bị bệnh nặng không còn minh mẫn nên không thể lập di chúc. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bị đơn và cụ G không thể hiện số thửa, giới cận, vị trí và căn cứ vào Điều 691 Bộ luật dân sự năm 1995, Hợp đồng chuyển nhượng phải chứng thực, ngoài ra không có chứng cứ chứng minh phía cụ G đã nhận vàng. Đây là tài sản chung của cụ G và cụ Ch nên cụ G không thể tự ý chuyển nhượng. Do đó hợp đồng này là vô hiệu. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chia di sản thừa kế theo pháp luật, giao cho nguyên đơn toàn bộ di sản thừa kế bà quyền sử dụng đất vườn, đất ở và một số tài sản gồm 01 bộ ván gỗ, 01 bộ đèn, 01 bộ bàn gỗ.

Bị đơn bà Phan Thị T trình bày:

Thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn về diện, hàng thừa kế di sản của cụ G để lại. Năm 2012 cụ G có lập 02 bản di chúc (bản di chúc lần đầu đánh máy thì UBND thị trấn P không xác nhận bảo làm bản di chúc viết tay; Di chúc viết tay có người làm chứng nhưng UBND thị trấn bảo đem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến cắt đất luôn).

Ngoài ra, bị đơn có yêu cầu phản tố: Vào năm 1998, cụ G có viết giấy chuyển nhượng cho bà 01 gian nhà dưới gắn liền diện tích 200m^2 đất vườn ở với giá 04 chỉ vàng y (cụ G đã nhận vàng), Sau đó do chưa cắt đất cho bà do cụ G không có người nuôi nên làm di chúc cho đất cho bà để có người nuôi cụ G. Trong di chúc có luôn phần đất mà trước đây cụ G chuyển nhượng cho bà. Trường hợp di chúc không hợp pháp thì bà yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; còn 02 cây đèn đồng do cụ G cho bà nên bà đem về nhà cất giữ.

Về gian nhà cấp 4 do cụ G để lại, phần vợ chồng bà sửa chữa là 30% theo Biên bản định giá ngày 20/9/2018, nay bà tự nguyện không nhận lại.

Bà Phan Thị T không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chia thừa kế theo pháp luật. Đối với 01 bộ ván gỗ, 01 bàn tròn gỗ cụ G để lại di chúc giao ngôi nhà cho bà nên các tài sản này cũng thuộc về bà. Phần đất cụ G đã chuyển nhượng cho ông Th bà thống nhất không có ý kiến gì.

Hiện nay còn 01 khoản tiền thuế đất ruộng của cụ G, do thời gian đó bà H canh tác nên bà H có trách nhiệm trả khoản nợ này.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Th trình bày: Việc cụ G lập di chúc và giấy chuyển nhượng đất cho bà T thì bà không biết. Nay bà không nhận phần di sản để lại theo di chúc vì di chúc đó không hợp pháp và bà thống nhất như yêu cầu của nguyên đơn, chia di sản thừa kế của cụ G theo pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Văn C trình bày: Khi cụ G còn sống có bảo vợ chồng ông sửa chữa nhà để sau này về ở. Nay vợ

chồng ông yêu cầu được tiếp tục sử dụng 02 gian nhà cấp 4 này. Trường hợp Tòa án xem xét di chúc không hợp pháp thì ông không yêu cầu trả lại tiền sửa nhà.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – Hợp tác xã Nông nghiệp kinh doanh dịch vụ thị trấn P: xác nhận cụ Lê Thị G còn khoản nợ thuế 2.443.000đ và yêu cầu trả khoản nợ này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2019/DS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện T, Phú Yên đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 708 của Bộ luật dân sự năm 1995; các Điều 652, 653, 656 của Bộ luật dân sự năm 2005; Các Điều 615, 633, 634, 635, 650 và 651 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 147, 165, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị H yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Lê Thị G theo pháp luật.

Tuyên bố hai bản di chúc của cụ Lê Thị G lập ngày 30/3/2012 và ngày 12/8/2012 là không hợp pháp.

Nguyên đơn bà Dương Thị H được hưởng toàn bộ kỷ phần thừa kế của cụ Lê Thị G gồm: 01 ngôi nhà cấp 4 có 02 gian, 01 giếng bọng đất, quyền sử dụng đất 617m^2 trong đó có 250m^2 đất ở, 367m^2 đất trồng cây hàng năm khác thuộc thửa 425 tờ bản đồ 12-B (đo đạc năm 1996), hiện nay là thửa 78 tờ bản đồ số 49 có giới cận: Bắc giáp đất chuyển nhượng cho bà Huỳnh Thị Th; Nam giáp nhà bà Dương Thị H; Đông giáp đường đi; Tây giáp nhà thờ họ D; tọa lạc tại khu phố P, thị trấn P, huyện T, Phú Yên (có bản vẽ kèm theo); 01 bộ ván gỗ gõ, 01 bàn tròn gỗ và 02 cây đèn đồng, tổng giá trị tài sản là 438.878.964 đồng. Toàn bộ số tài sản trên hiện nay bị đơn đang quản lý, sử dụng nên phải giao lại cho nguyên đơn.

2. Bác yêu cầu phản tố của bị đơn Phan Thị T yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bị đơn và cụ Lê Thị G vào năm 1998.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Dương Thị H phải trả cho Hợp tác xã kinh doanh dịch vụ thị trấn P số tiền 2.443.000đồng.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn bà Phan Thị T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C không yêu cầu nhận lại giá trị sửa chữa nhà 30%.

5. Diện tích đất vườn 186m^2 đã chuyển nhượng cho ông Lê Xuân Th hiện nay do ông Lê Xuân Tr được quyền sử dụng không có tranh chấp nên không giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí định giá tài sản và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08 tháng 5 năm 2019, bị đơn bà Phan Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Dương Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà Phan Thị T bổ sung yêu cầu kháng cáo, trường hợp Tòa án không công nhận 02 bản di chúc của cụ G và giao di sản cho nguyên đơn thì yêu cầu nguyên đơn phải trả lại công sức của bị đơn trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc cụ Lê Thị G trong thời gian 06 năm (từ 2010 đến 2016), tiền mai táng, cúng giỗ hàng năm cho cụ G và 02 người con nhỏ của cụ G, tổng số tiền 200.000.000đ, đồng thời yêu cầu nguyên đơn trả lại giá trị sửa chữa nhà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa là đúng theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị T, hủy bản án sơ thẩm do phát sinh tình tiết mới tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến các bên đương sự, Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Hợp tác xã Nông nghiệp kinh doanh dịch vụ thị trấn P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy: Cụ Dương Ch (chết năm 1987) và cụ Lê Thị G (chết năm 2016) sinh được 3 người con gồm: bà Dương Thị H, 02 người chết từ nhỏ, ngoài ra còn có 01 người con nuôi là Dương Văn Đ (chết năm 2012, chưa có vợ con). Như vậy, người thừa kế thuộc hàng thứ nhất của cụ Chvà cụ Gchỉ còn bà Dương Thị H. Về di sản của cụ Ch và cụ G là mảnh đất vườn tại thị trấn P, huyện T, tỉnh Phú Yên, khi cụ Ch chết năm 1987 không để lại di chúc, cụ G là người trực tiếp quản lý, sử dụng mảnh vườn nói trên và được nhà nước công nhận giao diện tích đất 793m^2 (đo đạt thực tế 803m^2) trong đó có 250m^2 đất ở và 553m^2 đất vườn (đất trồng cây hàng năm khác); ngoài ra hộ cụ G được giao 915m^2 đất ruộng (phần đất ruộng và đất vườn được giao cho 02 nhân khẩu là cụ G và ông Đ). Cấp sơ thẩm nhận định thời hiệu yêu cầu chia di sản của cụ Ch đã hết là chưa chính xác vì theo quy định tại Điều 623, 688 BLDS 2005 và án lệ số 26/AL/2018 thì thời điểm bắt đầu tính thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế là ngày công bố Pháp lệnh Thừa kế ngày 30-8-1990 nên thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Ch vẫn còn. Trên diện tích đất ở và đất vườn có

một ngôi nhà cấp 4 có 02 gian, 01 giếng bọng đất, 01 sân xi măng đã hư hỏng không còn giá trị sử dụng; ngoài ra cụ G còn có tài sản là 01 bộ ván gỗ gõ, 01 bàn tròn gỗ và 02 cây đèn đồng. Năm 1998, cụ G có chuyển nhượng diện tích đất vườn 186m^2 cho vợ chồng ông Lê Xuân Th, các đương sự không ai tranh chấp đối với việc chuyên nhượng này nên phần đất ở và đất vườn còn lại của cụ G là 617m^2.

[3]Năm 2016, cụ G chết, theo nguyên đơn thì cụ G không để lại di chúc nhưng bị đơn cung cấp 02 bản di chúc do cụ Gg lập. Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn bà Dương Thị H giữ nguyên yêu cầu tuyên bố 02 bản di chúc không hợp pháp và yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật, bị đơn bà Phan Thị T giữ nguyên kháng cáo yêu cầu cho công nhận hiệu lực di chúc đồng thời bổ sung kháng cáo trong trường hợp Tòa án không công nhận hiệu lực di chúc mà giao cho bà Dương Thị H hưởng di sản thừa kế theo pháp luật thì phải xem xét đến công sức của vợ chồng bà Phan Thị T, ông Nguyễn Văn C trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc cụ Gtrong thời gian 06 năm (từ năm 2010 đến 2016) với chi phí 6.000.000đ/tháng, tiền mai táng phí cho cụ G 30.000.000đ, tiền cúng giỗ hàng năm cho cụ G và 02 người con chết nhỏ của cụ Gtrong thời gian 04 năm (từ 2016 đến 2020) mỗi năm 20.000.000đ và trả lại tiền sửa chữa nhà 30% giá trị là 11.322.889 đồng theo biên bản định giá tài sản. Bị đơn trình bày lý do đưa ra yêu cầu trên: tại cấp sơ thẩm, bị đơn thiếu hiểu biết, bản thân nghĩ rằng bà ngoại, mẹ kêu về nuôi bà ngoại sau này ngoại chết sẽ được hưởng toàn bộ tài sản của bà ngoại nhưng Tòa án xét không cho bị đơn hưởng di sản thì phải trả lại công sức cho bị đơn. Tại phiên tòa, nguyên đơn công nhận vợ chồng bà T, ông C cũng có chăm sóc, nuôi dưỡng cụ G nhưng cụ G có tiền chính sách, có ruộng do bị đơn làm nên chỉ chấp nhận thanh toán công chăm sóc, nuôi dưỡng cụ G cho bị đơn là 40.000.000đ, tiền mai táng phí do bà con đi phúng điếu là đủ nên không chấp nhận. Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với bản di chúc đánh máy: Cụ G không biết chữ nhưng di chúc không được công chứng, chứng thực là không đúng quy định tại Điều 652 Bộ luật dân sự năm 2005. Đối với bản di chúc viết tay: Di chúc có nhiều trang nhưng cụ G không điểm chỉ vào từng trang, những người làm chứng không xác nhận dấu điểm chỉ của cụ G, di chúc không được công chứng, chứng thực là không đúng quy định tại Điều 652, 653, 656 Bộ luật dân sự năm 2005, thời điểm lập di chúc ngày 30/3/2012 và ngày 12/8/2012 thì cụ G đã 88 tuổi nhưng không có tài liệu nào thể hiện lúc đó cụ G còn minh mẫn, sáng suốt. Cấp sơ thẩm không công nhận hiệu lực của 02 bản di chúc này và chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ G theo pháp luật là đúng pháp luật. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm đã không giải thích rõ hậu quả của việc không công nhận di chúc và chia thừa kế theo pháp luật để bị đơn hiểu rõ và đưa ra yêu cầu về công sức nuôi dưỡng, chăm sóc người để lại di sản, tại cấp phúc thẩm, bị đơn đưa ra yêu cầu trên, các đương

sự không thỏa thuận được với nhau, yêu cầu này của bị đơn là chính đáng, phải được giải quyết đồng thời với yêu cầu chia thừa kế, nội dung bổ sung kháng cáo này không vượt quá phạm vi kháng cáo, đây là tình tiết mới, chưa được cấp sơ thẩm xem xét. Do đó căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 110 của Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm. Do bản án sơ thẩm bị hủy nên các phần khác của bản án, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bị đơn bà Phan Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm sẽ được xác định lại khi vụ án được tiếp tục giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 110 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị T, hủy bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 25/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện T giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí: Bị đơn bà Phan Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nên được hoàn lại 300.000đ tạm ứng án phí tại Biên lai thu tiền số 0010867 ngày 22/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm sẽ được xác định lại khi vụ án được tiếp tục giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên; (2)
- TAND huyện T; (2)
- CCTHADS huyện T;
- P.KTNV-THA;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Ngọc Hà